

Số: /2025/NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2025

(Dự thảo 2)

NGHỊ QUYẾT

Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, số 56/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 115/2024 /NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12

năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng dự thảo Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực từ ngày tháng.... năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Hộp thư điện tử: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Cẩm Đào

QUY ĐỊNH
PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC
PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

*(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng, gồm:

- Mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc.

- Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sóc Trăng không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nghị quyết này không quy định phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Cơ quan nhà nước (sau đây gọi là cơ quan).

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (sau đây gọi là tổ chức).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là đơn vị).

4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý và sử dụng tài sản công phải thực hiện theo đúng quy định tại Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Việc quyết định mua sắm, thuê tài sản công phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Nghị quyết này phải căn cứ theo phạm vi dự toán ngân sách nhà nước giao, nguồn kinh phí hợp pháp được sử dụng và tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền được quy định tại Nghị quyết này khi quyết định quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm tài sản công phải đảm bảo tuân thủ theo các điều kiện, đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán chi ngân sách hàng năm; nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong trường hợp thực hiện theo hình thức không hình thành dự án đầu tư; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc giữ lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn tài chính hợp pháp khác được sử dụng theo quy định pháp luật.

2. Trường hợp sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm trong đó có bao gồm nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều này thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm phải thực hiện theo quy định tại Nghị Quyết này.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao).

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với.

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm đối với tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này), (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản.

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi:

- a) Tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.
- b) Xe ô tô.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ xe ô tô).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

- a) Tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố.
- b) Xe ô tô.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ xe ô tô).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán:

- a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định bán tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

4. Trường hợp bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp nhưng không thanh lý tài sản gắn liền với đất trước khi tổ chức đấu giá:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Xe ô tô.

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ xe ô tô).

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ

hoạt động của dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý:

a) Tài sản phục vụ hoạt động của dự án do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư.

b) Xe ô tô.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương làm chủ đầu tư (trừ xe ô tô).

Điều 15. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản của các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản của các đơn vị trực thuộc (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản của các đơn vị cấp tỉnh thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản của các đơn vị trực thuộc (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Hiệu lực thi hành.

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2. Đối với các Quyết định về quản lý tài sản công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt./.